

\*\*\*

Tuy Phước, ngày 27 tháng 02 năm 2025

Số: 61-KH/HĐTN

## KẾ HOẠCH

Thực hiện công trình thanh niên “Tuổi trẻ Bình Định tiên phong chuyển đổi số” năm 2025

-----

Thực hiện Kế hoạch số 282 - KH/TĐTN-TTNTTH, ngày 20/02/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh đoàn về việc thực hiện công trình thanh niên “Tuổi trẻ Bình Định tiên phong chuyển đổi số” năm 2025. Ban Thường vụ Huyện đoàn xây dựng kế hoạch thực hiện công trình thanh niên “Tuổi trẻ Bình Định tiên phong chuyển đổi số” năm 2025, cụ thể như sau:

### I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Nâng cao nhận thức của đoàn viên, thanh niên và Nhân dân về các hoạt động chuyển đổi số và lợi ích của việc tham gia thực hiện, sử dụng dịch vụ công trực tuyến và các sản phẩm số trên địa bàn huyện.
2. Phát huy tinh thần trách nhiệm, xung kích, năng động, sáng tạo và chủ động của các cấp bộ Đoàn, Hội. Đoàn viên, thanh niên là lực lượng nòng cốt, tiên phong xây dựng xã hội số.
3. Các hoạt động, chương trình được tổ chức đảm bảo thiết thực, hiệu quả và tiết kiệm.

### II. CHỈ TIÊU

1. Mỗi năm có 40% tổng số tài khoản sử dụng dịch vụ công có phát sinh giao dịch thực tế.
2. Có 80% hồ sơ thủ tục hành chính do đoàn viên, thanh niên thực hiện được giao dịch bằng hình thức trực tuyến.
3. Có 6.910 hồ sơ dịch vụ công trực tuyến do đoàn viên thanh niên hỗ trợ thực hiện trong năm 2025.
4. Có ít nhất 138 tin, bài viết đăng trên Trang thông tin điện tử, mạng xã hội của các đơn vị.
5. Có ít nhất 19.600 hộ gia đình do đoàn viên, thanh niên hướng dẫn, hỗ trợ.
6. Có ít nhất 29.540 công dân được ĐVTN hỗ trợ mở và hướng dẫn sử dụng tài khoản thanh toán điện tử.
7. Hỗ trợ 30.519 công dân từ 14 tuổi trở lên đăng ký thành công chữ ký số cá nhân.
8. Hỗ trợ kích hoạt tài khoản VNeID cho 14.167 người dân.
9. Có ít nhất 476 cơ quan, doanh nghiệp, hợp tác xã trên địa bàn được hướng dẫn đăng ký tài khoản định danh điện tử tổ chức trên ứng dụng VNeID.

\* *Lưu ý*: Trong quá trình triển khai thực hiện các chỉ tiêu, Ban Thường vụ Huyện đoàn sẽ thông báo những chỉ tiêu mới (nếu có) tùy vào tình hình và nhu cầu thực tế tại địa phương, đơn vị.

### **III. THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM**

**1. Thời gian**: Trong năm 2025.

**2. Địa điểm**: Tại các địa phương, các cơ quan, tổ chức, đơn vị trên địa bàn huyện.

### **IV. NỘI DUNG THỰC HIỆN**

- Tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn người dân, tổ chức, cá nhân thực hiện một số dịch vụ công trực tuyến, thiết yếu thông qua việc phát poster tuyên truyền, hướng dẫn trực tiếp hoặc bằng các hình thức khác phù hợp với điều kiện thực tế, cụ thể như sau:

\* Đối với cá nhân:

+ Nhóm thủ tục “Đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi”;

+ Nhóm thủ tục “Đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, trợ cấp mai táng, hỗ trợ chi phí mai táng” hoặc “Đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú”;

+ Thủ tục “Đăng ký kết hôn” hoặc nhóm thủ tục “Cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân, đăng ký kết hôn”;

+ Ngoài ra, còn một số thủ tục khác: Đăng ký biến động về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất do thay đổi thông tin về người được cấp Giấy chứng nhận (đổi tên hoặc giấy tờ pháp nhân, giấy tờ nhân thân, địa chỉ); đăng ký thành lập hộ kinh doanh và đăng ký thuế; chứng thực bản sao điện tử từ bản chính,...

\* Đối với tổ chức: Thông báo hoạt động khuyến mại; cấp giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh; đăng ký nội quy lao động của doanh nghiệp,...

- Phối hợp hỗ trợ người dân mở và hướng dẫn sử dụng tài khoản thanh toán điện tử; chữ ký số cá nhân.

- Thường xuyên rà soát và kiện toàn thành viên các “Đội thanh niên tình nguyện thực hiện dịch vụ công trực tuyến” hoạt động luân phiên hằng ngày tại bộ phận một cửa các cấp để hướng dẫn người dân, tổ chức thực hiện đăng ký tài khoản công dân, nộp hồ sơ trực tuyến và thanh toán trực tuyến các khoản phí, lệ phí giải quyết thủ tục hành chính.

- Các cơ sở Đoàn thường xuyên cập nhật dữ liệu báo cáo về tình hình thực hiện các chỉ tiêu tại Kế hoạch này trên “Hệ thống báo cáo Đề án 5299”, địa chỉ: <https://dean5299.binh딘h.gov.vn>.

### **V. KINH PHÍ**

Từ nguồn kinh phí hỗ trợ của các cấp và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

## VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

### 1. Huyện đoàn

- Xây dựng các nội dung cụ thể triển khai Kế hoạch.
- Xây dựng các ấn phẩm truyền thông, infographic tuyên truyền, hướng dẫn sử dụng tài khoản VNeID; chữ ký số cá nhân và các ứng dụng khác để tuyên truyền đến đông đảo ĐVTN và Nhân dân.
- Phối hợp với Văn phòng HĐND&UBND huyện và các cơ quan, đơn vị có liên quan trong việc triển khai Kế hoạch.
- Thường xuyên đôn đốc, nhắc nhở các đơn vị triển khai Kế hoạch.

### 2. Các cơ sở Đoàn

- Báo cáo với cấp ủy và chính quyền tạo điều kiện thuận lợi để triển khai Kế hoạch đạt chất lượng và hiệu quả, phù hợp với địa phương, đơn vị.
- Phối hợp với Hội LHPN cùng cấp tích cực tuyên truyền, hướng dẫn, hỗ trợ chuyển đổi số cho Nhân dân.
- Ra quân triển khai thực hiện hiệu quả các chỉ tiêu đề ra.
- củng cố, kiện toàn “*Tổ công nghệ số thanh niên*”.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện công trình thanh niên “*Tuổi trẻ Bình Định tiên phong chuyển đổi số*” năm 2025. Ban Thường vụ Huyện đoàn đề nghị các đơn vị nghiêm túc triển khai thực hiện.

#### Nơi nhận:

- Tỉnh đoàn,
- TT Huyện ủy,
- Trung tâm VH - TT - TT huyện,
- Văn phòng HĐND&UBND huyện,
- Các cơ sở Đoàn,
- Lưu VT.

**TM. BAN THƯỜNG VỤ HUYỆN ĐOÀN**  
**BÍ THƯ**



Nguyễn Công Ý



**BẢNG PHÂN BỐ CHỦ TIÊU**

(Kèm theo Kế hoạch số: 61/KH/HD TN, ngày 22 tháng 02 năm 2025)

**PHÂN BỐ CÁC CHỦ TIÊU CỤ THỂ**

| STT | ĐƠN VỊ        |                                              |                                            |                                            |         |                                       |                                                        |                                                                   |                                  |                                                                                         |
|-----|---------------|----------------------------------------------|--------------------------------------------|--------------------------------------------|---------|---------------------------------------|--------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------|----------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------|
|     |               | Tài khoản sử dụng DVC có phát sinh giao dịch | Hồ sơ thủ tục hành chính do ĐVTN thực hiện | Hồ sơ DVC trực tuyến được hỗ trợ thực hiện | Tin bài | Hệ gia đình do ĐVTN hướng dẫn, hỗ trợ | Hỗ trợ người dân, ĐVTN mở tài khoản thanh toán điện tử | Hỗ trợ công dân trên 14 tuổi đăng ký thành công chữ ký số cá nhân | Hỗ trợ kích hoạt tài khoản VNeID | Hỗ trợ cơ quan, doanh nghiệp, hợp tác xã đăng ký tài khoản định danh điện tử trên VNeID |
| 1   | Phước Thành   | 325                                          | >= 80%                                     | 543                                        | 08      | 1.404                                 | 1.783                                                  | 1.619                                                             | 819                              | 36                                                                                      |
| 2   | Phước An      | 359                                          | >= 80%                                     | 560                                        | 09      | 2.210                                 | 2.600                                                  | 2.501                                                             | 1.701                            | 36                                                                                      |
| 3   | TT. Diêu Trì  | 338                                          | >= 80%                                     | 550                                        | 08      | 1.483                                 | 1.631                                                  | 1.751                                                             | 951                              | 37                                                                                      |
| 4   | TT. Tuy Phước | 321                                          | >= 80%                                     | 550                                        | 08      | 1.331                                 | 2.160                                                  | 2.071                                                             | 1.271                            | 37                                                                                      |
| 5   | Phước Nghĩa   | 316                                          | >= 80%                                     | 400                                        | 08      | 557                                   | 766                                                    | 819                                                               | 100                              | 30                                                                                      |
| 6   | Phước Lộc     | 344                                          | >= 80%                                     | 543                                        | 08      | 1.699                                 | 2.344                                                  | 2.292                                                             | 1.492                            | 37                                                                                      |
| 7   | Phước Hiệp    | 310                                          | >= 80%                                     | 543                                        | 08      | 1.759                                 | 2.374                                                  | 2.328                                                             | 1.528                            | 35                                                                                      |
| 8   | Phước Thuận   | 318                                          | >= 80%                                     | 543                                        | 08      | 1.921                                 | 2.455                                                  | 2.350                                                             | 1.550                            | 35                                                                                      |
| 9   | Phước Sơn     | 390                                          | >= 80%                                     | 600                                        | 09      | 2.901                                 | 2.986                                                  | 2.819                                                             | 2.019                            | 40                                                                                      |
| 10  | Phước Hòa     | 327                                          | >= 80%                                     | 543                                        | 08      | 1.492                                 | 2.532                                                  | 2.410                                                             | 1.610                            | 35                                                                                      |

|    |                     |     |        |     |    |       |       |       |       |    |
|----|---------------------|-----|--------|-----|----|-------|-------|-------|-------|----|
| 11 | Phước Thắng         | 333 | >= 80% | 543 | 08 | 1.074 | 1.351 | 1.521 | 721   | 35 |
| 12 | Phước Hưng          | 347 | >= 80% | 543 | 08 | 1.722 | 1.893 | 1.801 | 1.001 | 35 |
| 13 | Phước Quang         | 342 | >= 80% | 543 | 09 | 1.963 | 2.113 | 2.014 | 1.214 | 35 |
| 14 | THPT số 1 Tuy Phước | 50  | >= 80% | 0   | 04 | 0     | 1.059 | 1.059 | 526   | 01 |
| 15 | THPT số 2 Tuy Phước | 50  | >= 80% | 0   | 04 | 0     | 766   | 766   | 390   | 01 |
| 16 | THPT số 3 Tuy Phước | 50  | >= 80% | 0   | 04 | 0     | 638   | 638   | 311   | 01 |
| 17 | THPT Xuân Diệu      | 50  | >= 80% | 0   | 04 | 0     | 953   | 953   | 486   | 01 |
| 18 | THPT Nguyễn Diêu    | 50  | >= 80% | 0   | 04 | 0     | 1.003 | 1.003 | 535   | 01 |
| 19 | Dân chính           | 20  | >= 80% | 0   | 03 | 0     | 20    | 20    | 20    | 05 |
| 20 | Chính quyền         | 08  | >= 80% | 0   | 03 | 0     | 08    | 08    | 08    | 05 |
| 21 | Trung tâm Y tế      | 33  | >= 80% | 0   | 02 | 0     | 33    | 33    | 33    | 01 |
| 22 | Nghĩa Phát          | 10  | >= 80% | 0   | 01 | 0     | 10    | 10    | 10    | 01 |
| 23 | Xây lắp điện        | 27  | >= 80% | 0   | 02 | 0     | 27    | 27    | 27    | 01 |